



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

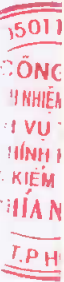
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/06/2019	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trí	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 lỗ: (6.756.161.372) đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2019 là: (86.179.958.172) đồng

Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lỗ lũy kế của công ty đến 30/06/2019:

- Các mặt hàng thành phẩm tồn kho của Công ty được sản xuất, chế biến để xuất bán vào thị trường nước ngoài, nhưng do các khách hàng tại thị trường này giảm sản lượng mua hàng dẫn đến Công ty phải thực hiện tái chế các thành phẩm tồn kho trên để bán vào các thị trường khác, nên đã làm tăng chi phí tái chế ảnh hưởng đến giá thành của Công ty.
- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn nên Công ty đã không thể trả nợ cho các khoản vay với Ngân hàng nên phát sinh chi phí lãi vay lớn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
Mặt khác đối với các khoản nợ trên 1 năm không thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Kim*

Người đại diện pháp luật



Nguyễn Thị Kim Thu



Số: 610.../BCSX/TC/2019/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2019, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

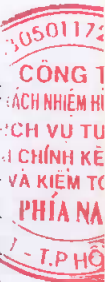
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.001.799.448	181.887.382.740
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	393.013.409	147.945.405
1. Tiền	111		393.013.409	147.945.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	146.141.400	114.405.564
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(384.858.600)	(416.594.436)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		18.671.132.996	19.447.361.696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	20.645.880.479	20.560.978.388
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.746.708.400	3.305.789.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	6.308.236.871	5.562.818.533
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(12.029.692.755)	(9.982.224.425)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	166.023.150.548	162.177.670.075
1. Hàng tồn kho	141		182.979.547.466	179.134.066.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.956.396.918)	(16.956.396.918)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		768.361.095	
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		768.361.095	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.058.925.533	57.164.624.559
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		677.037.819	1.674.916.979
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	1.139.529.582	2.137.408.742
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(462.491.763)	(462.491.763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		29.761.143.033	31.085.247.664
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	20.135.095.957	21.150.166.214
- Nguyên giá	222		120.720.250.229	120.720.250.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.585.154.272)	(99.570.084.015)
2. TSCĐ vô hình	227	V.09	9.626.047.076	9.935.081.450
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.584.831.417)	(5.275.797.043)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.2.2	21.269.598.977	21.269.598.978
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.941.826.673)	(15.941.826.673)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.351.145.704	3.134.860.938
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.351.145.704	3.134.860.938
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240.060.724.980	239.052.007.299

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		152.793.407.684	145.028.528.631
I. Nợ ngắn hạn	310		109.927.997.861	102.132.479.382
1. Phải trả cho người bán	311	V.11	30.686.097.939	26.580.458.572
2. Người mua trả tiền trước	312		2.429.100.467	3.734.181.229
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	8.443.665.242	8.432.468.220
4. Chi phí phải trả	315	V.13	600.000.000	600.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.1	4.773.891.081	4.712.634.118
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.1	56.857.575.116	51.892.469.227
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.137.668.016	6.180.268.016
II. Nợ dài hạn	330		42.865.409.823	42.896.049.249
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.2	36.645.409.823	36.676.049.249
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.2	6.220.000.000	6.220.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.267.317.296	94.023.478.668
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	87.267.317.296	94.023.478.668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86.179.958.172)	(79.423.796.800)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(79.423.796.800)	(54.471.140.427)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.756.161.372)	(24.952.656.373)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		240.060.724.980	239.052.007.299

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Ngô Tấn Phát

Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngô Tấn Phát



Nguyễn Thị Kim Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.721.754.076	99.247.958.689
2.	Các khoản giảm trừ	02		112.176.000	1.536.757.861
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	49.609.578.076	97.711.200.828
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	41.945.252.775	90.166.610.851
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.664.325.301	7.544.589.977
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	283.075.625	201.735.098
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.150.872.113	2.790.078.543
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.739.739.486	1.644.824.418
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	2.918.936.116	3.087.501.918
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	9.335.182.208	5.448.501.602
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.457.589.511)	(3.579.756.988)
11.	Thu nhập khác	31		144.905.245	1.857.000
12.	Chi phí khác	32		443.477.106	5.180.350
13.	Lợi nhuận khác	40		(298.571.861)	(3.323.350)
14.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán, trước thuế	50		(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(528)	(280)

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

Người lập

Phan
 Nguyễn Ngô Tấn Phát

Kế toán trưởng

Phan
 Nguyễn Ngô Tấn Phát

Người đại diện pháp luật



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan
 Nguyễn Thị Kim Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.324.104.631	1.518.605.194
Các khoản dự phòng	03	2.015.732.494	76.009.200
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	147.415.260	114.158.223
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(220.118)	(405.806)
Chi phí lãi vay	06	1.739.739.486	1.644.824.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.529.389.619)	(229.889.109)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.041.721.564)	(932.678.148)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.845.480.473)	31.024.240.149
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.842.373.165	(26.778.444.370)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	783.715.235	174.961.492
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.739.739.486)	(1.644.824.418)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(42.600.000)	(36.576.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.572.842.743)	1.576.788.605
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(37.980.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	220.118	405.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	220.118	(37.574.194)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	45.920.167.448	37.621.991.007
Tiền trả nợ gốc vay	34	(41.102.476.819)	(39.362.154.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.817.690.629	(1.740.163.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	245.068.004	(200.949.530)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	147.945.405	398.100.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	393.013.409	197.151.248

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Nguyễn Ngô Tấn Phát

Nguyễn Ngô Tấn Phát

Nguyễn Thị Kim Thu

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
 0 BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 24/08/2018 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/06/2019	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- ✓ Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**
 - Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, đối với các khoản nợ trên 1 năm chưa thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty;
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

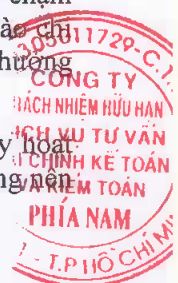
III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08



6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- *Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trọng khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- *Chi phí trả trước dài hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

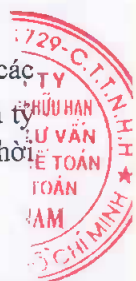
Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

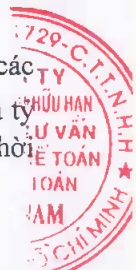
Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

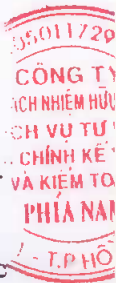
Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17- Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

20- Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22- Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	29.993.633	29.324.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	363.019.776	118.621.272
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	393.013.409	147.945.405

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	146.141.400	384.858.600	531.000.000	114.405.564	416.594.436

Khoản đầu tư mua 7.836 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 30/6/2019, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND
Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	14.992.000	-	1.499.200
Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	-	14.442.627	22.219.426	-	14.442.627
Cộng	37.211.426	-	15.941.827	37.211.426	-	15.941.827

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Giá trị đầu tư	
	30/06/2019	01/01/2019
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/06/2019 là 900.000,00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
Cộng	22.219.425.650	22.219.425.650

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2017 với số vốn góp tại ngày 30/06/2019 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2019	01/01/2019
	VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng ngắn hạn	20.645.880.479	20.560.978.388
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	20.645.880.479	20.560.978.388
- Dragon Sourcing Group Limited	9.087.663.520	9.087.663.520
- Kim Distri	3.045.186.900	1.967.837.430
- Paris Store S.A	1.179.065.160	2.750.070.384
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	1.038.396.490	1.038.396.490
- Công ty Đông Phương Group Partnership	-	2.390.211.924
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.295.568.409	3.326.798.640
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	20.645.880.479	20.560.978.388

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019	01/01/2019
	VNĐ	VNĐ
- Công ty TNHH Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	636.848.400	195.929.200
Cộng	3.746.708.400	3.305.789.200

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	6.308.236.871	-	5.562.818.533	-
<i>Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn</i>	4.118.818.850	-	4.138.335.668	-
<i>Tạm ứng</i>	1.845.951.576	-	1.403.882.865	-
<i>Phải thu khác</i>	343.466.445	-	20.600.000	-
5.2 Phải thu khác dài hạn	1.139.529.582	(462.491.763)	2.137.408.742	(462.491.763)
<i>Phải thu từ bên liên quan</i>				
- ICF US	462.491.763	(462.491.763)	462.491.763	(462.491.763)
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	677.037.819		1.674.916.979	
Cộng	7.447.766.453	(462.491.763)	7.700.227.275	(462.491.763)

6. NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VNĐ	Thời gian quá hạn	Giá gốc VNĐ
<i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Golden sea	trên 3 năm	402.022.575	trên 3 năm	402.022.575
ICF US	trên 3 năm	462.491.763	trên 3 năm	462.491.763
Golden Harvest	trên 3 năm	985.076.659	Trên 2 năm	985.076.659
Dragon sourcing	trên 3 năm	9.087.663.520	trên 3 năm	9.087.663.520
Công ty Minh Phương	trên 2 năm	3.109.860.000	trên 1 năm	-
Cộng (*)		14.047.114.517		10.937.254.517

(*) Trong đó, số nợ xấu đã được trích lập dự phòng đến ngày 30/06/2019 là 12.492.184.518 đồng (ngày 01/01/2019 là 10.444.716.188 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	157.523.133.435	-	159.038.326.074	-
- NVL nhập khẩu	11.525.968.760	-	8.243.064.443	-
- NVL trong nước	4.149.176.599	-	4.392.721.886	-
- Bán thành phẩm	135.976.872.159	(12.682.369.806)	139.674.008.724	(12.682.369.806)
- Vật liệu phụ, bao bì	5.871.115.917	-	6.728.531.021	-
Công cụ dụng cụ	2.726.225.110	-	2.735.219.567	-
Chi phí sản xuất dở dang	65.325.077	-	55.929.935	-
Thành phẩm	22.664.863.844	(4.274.027.112)	17.304.591.417	(4.274.027.112)
Cộng	182.979.547.466	(16.956.396.918)	179.134.066.993	(16.956.396.918)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
Tại ngày 30/06/2019	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	29.357.501.337	61.909.897.459	6.469.688.437	1.832.996.782	99.570.084.015
Khấu hao trong kỳ	820.916.946	68.325.007	116.140.410	9.687.894	1.015.070.257
Tại ngày 30/06/2019	30.178.418.283	61.978.222.466	6.585.828.847	1.842.684.676	100.585.154.272
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	14.361.182.203	5.502.834.385	1.264.868.321	21.281.305	21.150.166.214
Tại ngày 30/06/2019	13.540.265.257	5.434.509.378	1.148.727.911	11.593.411	20.135.095.957

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 59.772.051.513 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 trang 26 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tp. Hồ Chí Minh số 2888144/BHTS/BVPM/KD06/2018 ngày 13/05/2019. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/05/2019 đến ngày 14/05/2020)..

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

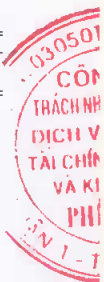
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tại ngày 30/06/2019	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	4.569.162.070	562.547.379	144.087.594	5.275.797.043
Khấu hao trong kỳ	142.822.998	143.211.378	22.999.998	309.034.374
Tại ngày 30/06/2019	4.711.985.068	705.758.757	167.087.592	5.584.831.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	1.143.757.930	8.722.323.514	69.000.006	9.935.081.450
Tại ngày 30/06/2019	1.000.934.932	8.579.112.136	46.000.008	9.626.047.076

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2019 VNĐ	01/01/2019 VNĐ
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	2.351.145.704	3.134.860.938
Trả trước chi phí xây dựng vùng nuôi	2.351.145.704	3.134.860.938
Cộng	2.351.145.704	3.134.860.938

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019 VNĐ	01/01/2019 VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn	30.686.097.939	26.580.458.572
Phải trả người bán khác		
- Ocean Trading Co., Ltd	411.013.834	3.937.567.139
- Tai Foong USA	6.286.782.366	10.177.306.407
- UTIC Co., Ltd	1.972.099.642	2.180.764.142
- Tsujino & Co., Ltd	11.541.416.634	-
- Các khoản phải trả người bán khác	10.474.785.463	10.284.820.884
Phải trả bên liên quan	-	-
Cộng	30.686.097.939	26.580.458.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2019
	Phải nộp			Số phải nộp
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập DN	5.407.481.899	-	-	5.407.481.899
Thuế TNCN	34.286.474	328.030.598	316.833.576	45.483.496
Thuế khác	2.990.699.847	3.000.000	3.000.000	2.990.699.847
Cộng	8.432.468.220	331.030.598	319.833.576	8.443.665.242

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay cá nhân phải trả	600.000.000	600.000.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
14.1 Phải trả khác ngắn hạn	4.773.891.081	4.712.634.118
Kinh phí công đoàn	1.927.487.851	1.837.724.207
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	218.546.787	455.587.452
Bảo hiểm thất nghiệp	14.556.368	30.258.252
Trợ cấp ốm đau, thai sản	58.406.200	6.131.800
Tiền thưởng sản lượng	112.399.606	105.573.078
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.392.494.269	2.227.359.329
14.2 Phải trả khác dài hạn	36.645.409.823	36.676.049.249
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*)	25.347.168.139	25.347.168.139
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*)	1.280.000.000	1.280.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (*)	10.018.241.684	10.048.881.110
Cộng	41.419.300.904	41.388.683.367

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. CÁC KHOẢN VAY

		01/01/2019	Trong kỳ		30/06/2019
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VNĐ
15.1 Vay ngắn hạn		51.892.469.227	46.067.582.708	41.102.476.819	56.857.575.116
- NH Ngoại thương	15.1	51.892.469.227	38.028.052.242	37.232.373.122	52.688.148.347
+ Vay VND		32.641.346.509	10.640.393.266	16.855.969.196	26.425.770.579
+ Vay USD		19.251.122.718	27.387.658.976	20.376.403.926	26.262.377.768
- NH VPBank	15.2	-	5.093.572.325	1.549.145.556	3.544.426.769
+ Vay VND		-	3.582.745.144	934.549.028	2.648.196.116
+ Vay USD		-	1.510.827.181	614.596.528	896.230.653
- NH Nam Á		-	1.430.958.141	1.430.958.141	-
+ Vay VND		-	1.430.958.141	1.430.958.141	-
- Nguyễn T Kim Thu		-	1.515.000.000	890.000.000	625.000.000
- Nợ đến hạn trả		-	-	-	-
15.2 Vay dài hạn	15.3	6.220.000.000	-	-	6.220.000.000
- Nguyễn T Kim Xuân		4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Nguyễn T Kim Thu		2.220.000.000	-	-	2.220.000.000
Cộng		58.112.469.227	46.067.582.708	41.102.476.819	63.077.575.116

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 0079/1838/N-CTD ngày 19/6/2018 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0079/1838/N-KD/01 ngày 19/8/2018. Hạn mức tín dụng tại ngày 30/6/2019 là 55 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/06/2019 bao gồm 26.425.770.579 đồng và 1.125.535,85 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- Máy móc thiết bị đã qua sử dụng của công ty;
- Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà xưởng của công ty tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (tổng diện tích 14.593,90 m²);

(15.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số SME/ETP/18/0162/HĐHM ngày 01/11/2018 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0079/1838/N-KD/01 ngày 19/8/2018. Hạn mức tín dụng tại ngày 30/6/2019 là 30 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/06/2019 bao gồm 2.648.196.116 đồng và 39.070,00 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất năm 2017 – 2019 là 0% theo biên bản thỏa thuận lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2019	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ khen thưởng	4.080.633.418	-	37.600.000	4.043.033.418
Quỹ phúc lợi	2.099.634.598	-	5.000.000	2.094.634.598
Cộng	6.180.268.016	-	42.600.000	6.137.668.016

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn <u>VND</u>	Quỹ đầu tư và phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
01/01/2018	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(54.471.140.427)	118.976.135.041
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(3.583.080.338)	(3.583.080.338)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
30/06/2018	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(58.054.220.765)	115.393.054.703
01/01/2019	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(79.423.796.800)	94.023.478.668
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(6.756.161.372)	(6.756.161.372)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
30/06/2019	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(86.179.958.172)	87.267.317.296

17.2 Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**18.1. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)		798,98
Euro (EUR)		532,83

18.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
HYL International	1.055.093.543	1.055.093.543
Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	177.046.800
IGLO GMBH	16.275.659	16.275.659
Nguyễn Văn Hiền	27.065.700	27.065.700
Cộng	1.693.591.140	1.693.591.140

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu xuất khẩu	43.436.610.730	87.953.907.083
Doanh thu bán hàng nội địa	993.258.890	4.094.504.560
Doanh thu khác	5.291.884.456	7.199.547.046
	49.721.754.076	99.247.958.689
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán trả lại	-	1.536.757.861
Giảm giá hàng bán	112.176.000	-
Cộng doanh thu thuần	49.609.578.076	97.711.200.828

Chi tiết doanh thu như sau:

	<u>USD</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Quy ra VNĐ</u>
Doanh thu xuất khẩu	1.871.339,83	-	43.436.610.730
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	993.258.890	993.258.890
Doanh thu bán hàng nội địa	-	5.179.708.456	5.179.708.456
Doanh thu khác	-	-	-
Cộng	1.871.339,83	6.172.967.346	49.609.578.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	41.945.252.775	90.166.610.851
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	41.945.252.775	90.166.610.851

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	220.118	405.806
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	282.855.507	201.329.292
Cộng	283.075.625	201.735.098

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.739.739.486	1.644.824.418
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(31.735.836)	76.009.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	442.868.463	1.069.244.925
Cộng	2.150.872.113	2.790.078.543

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	759.600.300	870.421.182
Chi phí xuất hàng, vận chuyển	1.628.429.995	1.297.149.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.630.505	48.452.687
Chi phí bằng tiền khác	380.275.316	871.478.825
Cộng	2.918.936.116	3.087.501.918

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	41.945.252.775	90.166.610.851
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	41.945.252.775	90.166.610.851

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	220.118	405.806
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	282.855.507	201.329.292
Cộng	283.075.625	201.735.098

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.739.739.486	1.644.824.418
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(31.735.836)	76.009.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	442.868.463	1.069.244.925
Cộng	2.150.872.113	2.790.078.543

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	759.600.300	870.421.182
Chi phí xuất hàng, vận chuyển	1.628.429.995	1.297.149.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.630.505	48.452.687
Chi phí bằng tiền khác	380.275.316	871.478.825
Cộng	2.918.936.116	3.087.501.918

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	5.208.270.389	4.450.385.997
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	54.155.102	23.993.620
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.544.226	169.544.226
Phân bổ chi phí vùng nuôi trả trước	783.715.235	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.047.468.330	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	778.163.781	679.883.971
Chi phí bằng tiền khác	293.865.146	124.693.788
Cộng	9.335.182.208	5.448.501.602

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	403.754.182	-
Thu nhập chịu thuế	(6.352.407.190)	(3.583.080.338)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	(6.756.161.372)	(3.583.080.338)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phần	(528)	(280)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

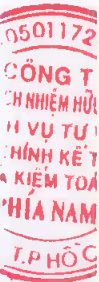
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ	6 tháng đầu năm 2018 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	26.914.648.413	34.559.637.688
Chi phí nhân công	15.135.458.313	15.398.981.122
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.324.104.631	1.518.605.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.227.688.832	5.338.561.614
Chi phí bằng tiền khác khác	1.267.624.522	1.449.962.472
Cộng	50.869.524.711	58.265.748.090

10. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		30/06/2019	01/01/2019
Nợ phải thu			
Incomfish US	USD	4.539,80	4.539,80
Incomfish US	VNĐ	462.491.763	462.491.763
Nợ phải trả			
Bà Nguyễn Thị Kim Thùy	VNĐ	10.018.241.684	10.025.863.605
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VNĐ	29.347.168.139	19.733.902.920
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VNĐ	3.500.000.000	3.500.000.000

**IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm bán niên cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

Người lập



Nguyễn Ngô Tấn Phát

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngô Tấn Phát

Người đại diện pháp luật



Nguyễn Thị Kim Thu